

Bản án số: 188/2022/DS-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
Dịch vụ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1966

Địa chỉ: Đường E, phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật B

Trụ sở: Đường H, Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường K, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C trình bày:

Do không hiểu biết pháp luật và có vụ án tranh chấp thừa kế với các anh chị em nên bà A có nhờ ông D, giới thiệu là cộng tác viên pháp lý, công tác trong hội luật gia làm thủ tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận Tân Phú về việc tranh chấp vụ án dân sự về thừa kế. Bà A có hỏi và ông D nói là vụ việc làm được và nhanh có kết quả. Sau đó, hai bên thỏa thuận ông D sẽ làm các thủ tục khởi kiện vụ án tranh chấp thừa kế ra

Tòa án nhân dân Quận Tân Phú và thù lao khi công việc khởi kiện được giải quyết xong. Thực hiện hợp đồng, ngày 10/9/2018 bà A có giao cho ông D số tiền là 50.000.000 đồng, ông D có viết biên nhận, trong biên nhận còn thể hiện nếu giải quyết xong vụ việc thì sẽ trả cho ông D phần còn lại theo thỏa thuận là 150.000.000 đồng. Sau đó bà A có nhiều lần hỏi thì ông D nói là “*hồ sơ đang làm*”. Ngày 16/12/2018 ông D yêu cầu bà A đưa số tiền 10.000.000 đồng nói là đóng án phí và ngày 21/12/2018 yêu cầu đưa tiếp số tiền là 40.000.000 đồng, ông D có viết cam kết đến Tết nguyên đán năm 2019 sẽ giải quyết xong vụ án, tất cả những lần đưa tiền đều có viết giấy nhận tiền.

Hơn hai năm trôi qua, bà A đã đưa cho ông D tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng để giúp bà A khởi kiện giải quyết vụ án chia thừa kế nhưng không có tiến triển, phía gia đình cũng không nhận được thông báo gì từ Tòa án nhân dân Quận Tân Phú. Ông D đã không thực hiện đúng như cam kết theo hợp đồng nên nay bà A yêu cầu ông D trả lại cho số tiền đã nhận dịch vụ là 100.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay một lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập nhiều lần bị đơn để tiến hành lấy lời khai, cung cấp chứng cứ, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông D trả lại cho số tiền đã nhận dịch vụ là 100.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát kiến nghị quá trình giải quyết vụ án Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành triệu tập bị đơn đến Tòa để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa là vi phạm quy định về tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định: ông D không phải là Luật sư, trợ giúp viên pháp lý nhà nước hay cộng tác viên trợ giúp pháp lý mà chỉ là hội viên Hội Luật gia Quận N. Như vậy, có thể xác định, ông D thực hiện công việc trợ giúp pháp lý không vì nhân danh tổ chức nơi công tác mà cá nhân tự thực hiện, vi phạm khoản 2 Điều 6 Điều lệ Hội luật gia năm 2010. Căn cứ Điều 516 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “...*Trường hợp bên cung ứng dịch vụ vi phạm nghĩa vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt và yêu cầu bồi thường thiệt hại*...”. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay số tiền trên là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền đã nhận theo hợp đồng dịch vụ nên có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là “*Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận N nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy, do có nhu cầu được tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý nên bà A liên hệ với ông D, tự giới thiệu là luật sư, luật gia công tác tại Hội luật gia Phường M, Quận N để được tư vấn và làm thủ tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận Tân Phú. Theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý ngày 10/9/2018 và giấy biên nhận ngày 21/12/2018 thể hiện ông D sẽ nhận tiền và có trách nhiệm hỗ trợ pháp lý cho bà A làm thủ tục khởi kiện. Hai bên đã thỏa thuận và viết giấy biên nhận, ông D nhận 50.000.000 đồng, trong giấy biên nhận còn thể hiện, phần tiền còn lại sau khi kết thúc vụ việc và trả cho luật gia D số tiền còn lại là 150.000.000 đồng. Như vậy căn cứ vào nội dung được các bên thỏa thuận và ghi nhận tại giấy nhận tiền ngày 10/9/2018 thể hiện hai bên ký kết hợp đồng dịch vụ pháp lý, có thù lao, công việc cụ thể là ông D là hỗ trợ pháp lý và làm các thủ tục để khởi kiện vụ án tranh chấp thừa kế của bà A ra Tòa án nhân dân Quận G. Sau đó, ngày 16/12/2018 ông D tiếp tục nhận số tiền 10.000.000 đồng để bổ sung vào thủ tục khởi kiện và ngày 21/12/2018 tiếp tục nhận số tiền 40.000.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 13/5/2020 của bị đơn gửi đến Tòa thể hiện: Bị đơn thừa nhận số tiền đã nhận để làm thủ tục pháp lý khởi kiện cho bà A là 100.000.000 đồng, mỗi lần nhận đều có biên nhận thể hiện. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền ông D đã nhận từ bà A là 100.000.000 đồng.

Bị đơn cho rằng đã dùng số tiền làm các thủ tục khởi kiện theo như thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ, cụ thể ông đã làm hồ sơ khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, sau khi được Tòa án thụ lý thì bà A trở mặt, không thực hiện theo như cam kết nên việc bà A đòi lại tiền là không có căn cứ. Xét, theo đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý ngày 10/9/2018 và giấy nhận tiền ngày 21/12/2018 thể hiện ông D, là luật sư, luật gia công tác tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N hướng dẫn cho bà A, là người gốc Hoa về các thủ tục pháp lý để khởi kiện. Tuy nhiên, qua các tài liệu, chứng cứ Tòa

án thu thập được xác định ông D không phải là Luật sư, trợ giúp viên pháp lý nhà nước hay cộng tác viên trợ giúp pháp lý mà chỉ là hội viên Hội Luật gia Quận N. Căn cứ khoản 2 Điều 6 Điều lệ Hội luật gia năm 2010 được phê duyệt theo Quyết định số 1004/QĐ-BNV ngày 31/8/2010 quy định: “...*hội viên thực hiện các công việc được tổ chức hội giao...*”. Trong các biên bản nhận tiền và hướng dẫn pháp lý, ông D đều xác định là hội viên hội luật gia công tác tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N để hướng dẫn bà A làm các thủ tục pháp lý. Tuy nhiên, tại văn bản số 43/UBND-TPHT ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N xác nhận không có cán bộ, công chức, người lao động tên D. Như vậy, có căn cứ xác định, ông D thực hiện công việc trợ giúp pháp lý không vì nhân danh tổ chức nơi công tác mà cá nhân tự thực hiện, vi phạm khoản 2 Điều 6 Điều lệ Hội luật gia năm 2010.

Xét, căn cứ Điều 516 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “...*Trường hợp bên cung ứng dịch vụ vi phạm nghĩa vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt và yêu cầu bồi thường thiệt hại...*”. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay số tiền trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Điều lệ Hội luật gia năm 2010;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

Buộc ông D có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí là 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu, năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014402 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Nhất Dũng